

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày 04 - 9 - 2024  
V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hải, bà Hoàng Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Lương – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Bích P**, sinh năm 1999; địa chỉ: **SN A, thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Trình Sỹ H**, sinh năm 1999; địa chỉ: **SN F, thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Hồ Thị Bích P** trình bày:*

Chị **P** và anh **Trình Sỹ H** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2020 tại **UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**.

Khi về chung sống chúng tôi sống cùng gia đình bố mẹ chị **P** ở **thôn N, xã H, huyện K**. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh **H** không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời, gia đình bố mẹ vợ đã tạo điều kiện rất nhiều để vợ chồng làm ăn nhưng anh **H** không chịu làm mà tiêu xài hết nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Vợ chồng và gia đình hai bên đã ngồi nói chuyện nhiều lần, bản thân chị **P** cũng đã tha thứ nhiều lần để vợ chồng nuôi dạy con cái nhưng anh **H** vẫn không thay đổi tính nết. Ngoài ra, anh **H** còn có quan hệ bất chính với người con gái khác. Vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 6/2024 cho đến nay, anh **H** về nhà bố mẹ chồng ở tại **thôn A, xã H** sinh sống cho đến nay,

không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị P thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị P yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị P được ly hôn với anh **Trình Sỹ H**.

Về con chung: có 01 con chung là cháu **Trình Sỹ B**, sinh ngày 08/10/2018. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, nguyện vọng của chị P sau khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện chị P yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, chị P thấy anh H hiện không có việc làm ổn định. Do đó, chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị P làm nghề kinh doanh thu nhập khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nên đảm bảo việc chăm sóc con được tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Bị đơn anh **Trình Sỹ H** trình bày: Anh H và chị **Hồ Thị Bích P** có tình yêu thương nhau và chung sống với nhau từ năm 2018, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 2 năm 2020 tại Ủy ban dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, quá trình chung sống thì vợ chồng đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, công việc làm ăn của anh H không thuận lợi, không đủ điều kiện để lo cho vợ con vì vậy vợ chồng đã xảy ra cãi vã nhiều lần. Vợ chồng cũng đã nhiều lần cùng nói chuyện để tìm ra hướng giải quyết mâu thuẫn, anh H cũng đã cố gắng làm việc để tạo điều kiện cho cuộc sống tốt hơn, làm nhà riêng, nuôi vợ con nhưng chưa có kết quả. Nay chị P làm đơn xin ly hôn thì anh H không đồng ý vì anh H mong muốn vợ chồng hòa giải cùng nuôi nấng con cái.

Về con chung: có 01 con chung là cháu **Trình Sỹ B**, sinh ngày 08/10/2018, anh H không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Tại phiên tòa, anh H trình bày: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H đồng ý giao con chung cho chị P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Qua biên bản xác minh ngày 30/7/2024 về tình trạng hôn nhân giữa chị **Hồ Thị Bích P** và anh **Trình Sỹ H** thì Chính quyền địa phương cho biết: Năm 2018 anh H về thôn N, xã H chung sống với gia đình bố mẹ chị P đến tháng 6/2024 thì anh H về nhà mẹ đẻ ở thôn A sinh sống cho đến nay mà không sống cùng chị P. Quá trình chung sống chính quyền địa phương được biết vợ chồng chị P, anh H hay xảy ra cãi vã nhau, sau đó anh H bỏ về nhà bố mẹ ở, các bên không yêu cầu hòa giải tại

địa phương nên nội dung mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì Chính quyền địa phương không rõ.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hồ Thị Bích P**. Cho chị **Hồ Thị Bích P** được ly hôn với anh **Trình Sỹ H**. Về con chung: Giao con chung là cháu **Trình Sỹ B**, sinh ngày 08/10/2018 cho chị **Hồ Thị Bích P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị **Hồ Thị Bích P** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh **Trình Sỹ H** có nơi cư trú ở **huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Hồ Thị Bích P** với anh **Trình Sỹ H** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện K** vào ngày 26/02/2020. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng chị **P** xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh **H** không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời, gia đình bố mẹ vợ đã tạo điều kiện rất nhiều để vợ chồng làm ăn nhưng anh **H** không chịu làm mà tiêu xài hết nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Vợ chồng và gia đình hai bên đã ngồi nói chuyện nhiều lần, bản thân chị **P** cũng đã tha thứ nhiều lần để vợ chồng nuôi dạy con cái nhưng

anh **H** vẫn không thay đổi tính nết. Vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 6/2024 cho đến nay. Anh **H** thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của anh **H**, anh **H** cho rằng công việc làm ăn không thuận lợi nên không đủ điều kiện chăm lo cho vợ con, gia đình hai bên cũng ngồi nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, anh **H** vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên chị **P** trở lại đoàn tụ với anh **H** nhưng không thành, các bên đều xác định gia đình hai bên cũng nói chuyện nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị **P** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh **H**. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa chị **P** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị **P** được ly hôn với anh **H**.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị **P**, anh **H** có 01 con chung là cháu **Trình Sỹ B**, sinh ngày 08/10/2018, hiện nay cháu **B** đang sinh sống cùng chị **P**, chị **P** có nguyện vọng được nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, anh **H** có ý kiến là trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh **H** đồng ý giao con cho chị **P** nuôi dưỡng. Vì vậy, xét nguyện vọng của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy và đảm bảo quyền lợi của con, HĐXX cần giao cháu **Trình Sỹ B**, sinh ngày 08/10/2018 cho chị **Hồ Thị Bích P** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **P**, anh **H** không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị **Hồ Thị Bích P** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hồ Thị Bích P**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hồ Thị Bích P** được ly hôn với anh **Trình Sỹ H**.
- Về con chung: Giao con chung **Trình Sỹ B**, sinh ngày 08/10/2018 cho chị **Hồ Thị Bích P** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh **Trình Sỹ H** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Hồ Thị Bích P** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005870 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Đình Nam**